

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

Số: 1312/TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 20 tháng 6 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách  
nhà nước năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia**

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND

TỈNH GIA LAI

Số: 3651 Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu.  
Đến Ngày: 27/6/2022

Chuyển: Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Số và ký hiệu HS: Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; số 90/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2022 nguồn ngân sách Trung ương;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu xem xét phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể như sau:

## **I. CĂN CỨ XÂY DỰNG**

Căn cứ Khoản 5 Điều 2 Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “*Giao các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương là cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia: Căn cứ dự toán, mục tiêu, nhiệm vụ được giao, thực hiện phân bổ và giao dự toán thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị, các cấp sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 01 tháng 7 năm 2022 đảm bảo đúng quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan*”.

## **II. NGUYÊN TẮC BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 CHO CÁC SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm Ngân sách trung ương và Ngân sách tinh) năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; các Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và Quyết định Thủ tướng Chính phủ quyết định nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Theo đó:

### **1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg và Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND:

- Ưu tiên phân bổ vốn đầu tư thực hiện các công trình giao thông tại xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; công trình giao thông kết nối...

- Ưu tiên bố trí thêm ngân sách địa phương để thực hiện một số lĩnh vực sau: (i) Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN); (ii) Phát triển dân cư vùng biên giới; (iii) củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú; tổ chức tốt việc dạy; đảm bảo đào tạo nghề nông thôn có địa chỉ và nhu cầu học tập của mọi người... (iv) Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS gắn với

phát triển du lịch đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng tinh Gia Lai giàu bản sắc văn hóa dân tộc.

- Phân bổ vốn cho các sở, ngành, địa phương theo nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg và Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND.

## **2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 24/2021/QH15; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg. Trong đó:

- Ưu tiên phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho huyện nghèo trên địa bàn tỉnh.

- Phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương của Tiểu dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: ưu tiên đầu tư cho Trường cao đẳng Gia Lai.

- Phân bổ vốn cho các sở, ngành, địa phương theo nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022.

## **3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới**

Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 25/2021/QH15; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg. Trong đó:

- Ưu tiên hỗ trợ cho các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới và các xã đạt dưới 15 tiêu chí.

- Ưu tiên phân bổ cho các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới theo mục tiêu đã đặt ra tại Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 01/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

4. Tỉnh giao tổng mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022) thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cho các sở, ngành và địa phương, đảm bảo không vượt quá tổng mức vốn theo Quyết định số 653/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 82/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Các cơ quan theo dõi, quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động đề xuất, lựa chọn danh mục các công trình, dự án có nhu cầu cấp bách, cần thiết phải đầu tư, có khả năng thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn được giao trong năm 2022; chịu trách nhiệm toàn diện trước Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về thông tin, số liệu, mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng, nội dung triển khai trong kế hoạch vốn thực hiện các

Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2022, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

### **III. NỘI DUNG TRÌNH DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 CHO CÁC SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

#### **1. Ngân sách trung ương**

Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương được giao thực hiện 03 Chương trình tại Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ là 662,653 tỷ đồng, trong đó:

- Chương trình MTQG phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 287,331 tỷ đồng.
- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 92,082 tỷ đồng.
- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 283,24 tỷ đồng.

#### **2. Ngân sách tỉnh**

Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh năm 2022 thực hiện 03 Chương trình là 121,377 tỷ đồng được giao tại Nghị quyết số 82/NQ-HĐND, gồm: tiền sử dụng đất là 80 tỷ đồng; vốn xổ số kiến thiết là 41,377 tỷ đồng<sup>1</sup>, trong đó:

- Chương trình MTQG phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 70,792 tỷ đồng từ nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư.
- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 9,208 tỷ đồng từ nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư.
- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 41,377 tỷ đồng từ nguồn xổ số kiến thiết.

**3. Dự kiến Phương án phân bổ:** đảm bảo đúng theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ do Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

(Có Phụ lục kế hoạch vốn và Báo cáo thuyết minh phân bổ vốn kèm theo).

#### **4. Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) thực hiện 03 Chương trình MTQG**

Để đạt được mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 01/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 (trong giai đoạn 2021-2025 có 10 địa phương đạt chuẩn nông thôn mới và trên 120 xã đạt chuẩn nông thôn mới). Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh hỗ

<sup>1</sup> Vốn XSKT năm 2022 được phân bổ 14,7 tỷ đồng và vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022 là 26,677 tỷ đồng; vốn kéo dài Tại Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.

trợ một phần cho các địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia được Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh quy định. Các huyện, thị xã, thành phố và các xã chủ động bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện hoàn thành các mục tiêu của 03 Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt (tùy điều kiện thực tế của từng địa phương, ngân sách địa phương đối ứng khoảng 10% tổng vốn ngân sách trung ương và ngân sách tinh hỗ trợ).

#### **IV. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH**

Đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

1. Chương trình MTQG phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 3%.

2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Giảm tỷ lệ hộ nghèo hộ nghèo là 2%.

3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới: 3 địa phương.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới là 51,6%.

- Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao là 3,2%.

#### **IV. TÀI LIỆU KÈM THEO**

1. Phụ lục phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 kèm Tờ trình này.

2. Báo cáo thuyết minh phân bổ vốn và các phụ lục kèm theo báo cáo thuyết minh.

#### **V. MỘT SỐ NỘI DUNG XIN Ý KIẾN**

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh một số nội dung sau:

1. Về thời gian trình: Theo Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh “*thực hiện phân bổ và giao dự toán thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị, các cấp sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 01 tháng 7 năm 2022*”. Dự kiến Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021 – 2026. Theo Kế hoạch, Kỳ họp thứ Sáu dự kiến tổ chức trong 03 ngày, từ ngày 06/7 - 08/7/2022, vì vậy thời gian giao kế hoạch sẽ không đảm bảo theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2. Về phương án phân bổ kế hoạch vốn dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh:

Hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh đang trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực 02 chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới (dự thảo 02 Nghị quyết này trình đồng thời với dự thảo Nghị quyết giao kế hoạch vốn 03 Chương trình tại kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026).

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành bám sát dự thảo các Nghị quyết nêu trên, để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch vốn chi tiết cho các sở, ngành, địa phương đảm bảo theo quy định.

Trên đây là Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu xem xét, quyết định./. .....

Nơi nhận: .....

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNs - HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NL, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Phước Thành







PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022  
**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI**  
(Kèm theo Tờ trình số 1342/TTr-UBND ngày 20/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án đầu tư	Tổng vốn giai đoạn 2021 - 2025	KH vốn 2022	Trong đó	
				NSTW	NSDP
	<b>Tổng số</b>	<b>2.002.604</b>	<b>358.123</b>	<b>287.331</b>	<b>70.792</b>
1	Dự án 1. Giải quyết tình hình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	285.618	57.556	30.046	27.510
2	Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	591.331	99.428	63.889	35.539
3	Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp lĩnh vực công của lĩnh vực dân tộc	832.743	149.895	149.895	0
	-Tiểu dự án 1 . Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào DTTS & MN	832.743	149.895	149.895	
4	Dự án 5. Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	183.006	31.982	27.029	4.953
	- Tiểu dự án 1. Đổi mới hoạt động, cung cấp phát triển các trường PTDTNT, PTTH bán trú, trường PT có học sinh bán trú và xoá mù chữ cho người dân vùng DTTS	183.006	31.982	27.029	4.953
5	Dự án 6. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các DTTD gắn với du lịch	58.457	10.001	7.211	2.790
6	Dự án 7. Chăm sóc sức khoẻ nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	29.985	5.397	5.397	0

*[Signature]*

STT	Danh mục dự án đầu tư	Tổng vốn giai đoạn 2021 - 2025	KH vốn 2022	<i>Trong đó</i>	
				NSTW	NSDP
7	Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS & MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	21.464	3.864	3.864	0
	- <i>Tiểu dự án 2. Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và MN</i>	21.464	3.864	3.864	

*Xem thêm*











**PHỤ LỤC 2.1**

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**  
**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỆU SÓ VÀ MIỀN NÚI**  
*(Kèm theo Tờ trình số 131/QĐ-TTg-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

ĐVT: Triệu đồng

TT	Các đơn vị	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em		Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình						
				Tổng vốn Dự án 10			Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN			
		Kế hoạch năm 2022	Trong đó		Kế hoạch năm 2022	Trong đó		Kế hoạch năm 2022	Trong đó	
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP
6	Krông Pa				900	900	0	900	900	0
7	Chư Prông				0	0	0	0	0	0
8	Chư Păh				400	400	0	400	400	0
9	Chư Sê				0	0	0	0	0	0
10	Chư Puh				0	0	0	0	0	0
11	Đak Đoa				400	400	0	400	400	0
12	Đức Cơ				0	0	0	0	0	0
13	Đăk Pơ				0	0	0	0	0	0
14	Mang Yang				600	600	0	600	600	0
15	Pleiku				0	0	0	0	0	0
16	An Khê				0	0	0	0	0	0
17	Ayun Pa				0	0	0	0	0	0







## PHỤ LỤC 2.3

## KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

## DỰ ÁN 5. PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

(Kèm theo Tờ trình số 17/2022/TTr-UBND ngày 10/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Hạng mục	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022	Trong đó	
			NSTW	NSĐP
	Tổng vốn			
I	Tiêu dự án 1. Đổi mới hoạt động, cung cấp phát triển các trường PTDTNT, PTTTH bán trú, trường PT có học sinh bán trú và xoá mù chữ cho người dân vùng DTTS	31.982	27.029	4.953
II	Chi tiết hạng mục đầu tư			
1	<b>Trường PTDT Nội trú huyện Đak Đoa</b> (Thị trấn Đak Đoa, Đak Đoa); Hạng mục: Nhà học bộ môn 2 phòng, 2 tầng; Nhà ở học sinh; Khu vệ sinh học sinh + tắm và các hạng mục phụ			
2	<b>Trường PTDT Nội trú Ia Grai</b> (Thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai); Hạng mục: 4 phòng bộ môn; nhà vệ sinh học sinh và các hạng mục phụ			
3	<b>Trường PTDT Nội trú Chư Puh</b> (Thị trấn Nhơn Hoà, huyện Chư Puh); Hạng mục: Nhà vệ sinh học sinh; mở rộng nhà ăn và các hạng mục phụ			
4	<b>Trường TH&amp;THCS Ia Kreng</b> (Xã Ia Kreng, huyện Chư Păh); Hạng mục: Nhà ở học sinh 05 phòng + Nhà sinh hoạt văn hóa dân tộc; nhà công vụ giáo viên 02 phòng, nhà bếp, nhà ăn; nhà tắm, nhà vệ sinh học sinh và các hạng mục phụ			
5	<b>Trường PTDTBT TH Lê Quý Đôn</b> (Xã Ia Lang, Đức Cơ); Hạng mục: Nhà học 2 phòng + 4 phòng bộ môn 2 tầng; nhà vệ sinh học sinh và các hạng mục phụ.			
6	<b>Trường Tiểu học Kim Đồng</b> (Xã An Thành, Đăk Po); Hạng mục: Nhà bán trú học sinh 4 phòng + nhà sinh hoạt văn hóa dân tộc và các hạng mục phụ			
7	<b>Trường PTDTBT THCS Đê Ar</b> (Xã Đê Ar, Mang Yang); Hạng mục: Nhà học bộ môn 4 phòng, 2 tầng; Nhà ở học sinh; khu vệ sinh và các hạng mục phụ			



**PHỤ LỤC 2.4**

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**  
**DỰ ÁN 7. CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG,**  
**TÂM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỀU SỐ; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM**  
*(Kèm theo Tờ trình số 131/TTr-UBND ngày 20/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Nội dung thực hiện	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế (Đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình)	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2022	Trong đó vốn NSTW	Ghi chú
I	Nội dung: Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS&MN			29.985	5.397	5.397	
	Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm y tế huyện	Huyện Kong Chro	Đầu tư nâng cấp TTYT huyện; mua sắm trang thiết bị y tế cho Trung tâm y tế huyện Kong Chro	29.985	5.397	5.397	

*.....*



### PHỤ LỤC 3

#### DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 13/11/TTr-UBND ngày 20/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn	Kế hoạch vốn năm 2022	Ngân sách Trung ương	Trong đó			Ngân sách tỉnh	Ghi chú		
				Trong đó:						
				Năm 2021 (chuyển sang năm 2022)	Năm 2022					
1	2	3=4+7	4=5+6	5	6	7				
	TỔNG SỐ	324.617,216	283.240	163.030	120.210	41.377,216	(1)			
I	Hỗ trợ các địa phương	283.240	283.240	163.030	120.210					
1	Huyện Ia Grai	20.964	20.964	5.693	15.271					
	Trong đó: huyện nông thôn mới					5.552				
2	Huyện Phú Thiện	18.326	18.326	8.053	10.273					
	Trong đó: huyện nông thôn mới					5.552				
3	Huyện K'Bang	14.348	14.348	7.405	6.943					
4	Huyện Ia Pa	18.155	18.155	12.186	5.969					
5	Huyện Kông Chro	27.519	27.519	24.743	2.776					
6	Huyện Krông Pa	24.619	24.619	22.952	1.667					
7	Huyện Chư Prông	36.098	36.098	10.027	26.071					

STT	Nội dung/địa bàn	Kế hoạch vốn năm 2022	Trong đó				Ghi chú	
			Ngân sách Trung ương	Trong đó:		Ngân sách tỉnh		
				Năm 2021 (chuyển sang năm 2022)	Năm 2022			
8	Huyện Chư Păh	22.172	22.172	13.565	8.607			
9	Huyện Chư Sê	12.165	12.165	7.858	4.307			
10	Huyện Chư Prông	9.067	9.067	5.317	3.750			
11	Huyện Đak Đoa	24.499	24.499	13.114	11.385			
12	Huyện Đức Cơ	17.087	17.087	6.676	10.411			
13	Huyện Đak Pơ	6.953	6.953	4.175	2.778			
14	Huyện Mang Yang	19.844	19.844	14.568	5.276			
15	Thành phố Pleiku	5.376	5.376	3.152	2.224			
16	Thị xã An Khê	3.360	3.360	1.970	1.390			
17	Thị xã Ayun Pa	2.688	2.688	1.576	1.112			
II	Các Chương trình, Đề án	41.377,216	-			41.377,216		
1	Hỗ trợ huyện nông thôn mới	41.377,216	-			41.377,216		

Ghi chú: (1)

- Ngân sách Trung ương được phân bổ tại Quyết định 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ (Giai đoạn 2021-2022 là 283.240 triệu đồng, trong đó năm 2021 là 163.030 triệu đồng, năm 2022 là 120.210 triệu đồng).
- Ngân sách tỉnh: Vốn xổ số kiến thiết kế hoạch 2022 được UBND tỉnh giao tại Quyết định 893/QĐ-UBND là 14.700 triệu đồng; vốn kế hoạch năm 2021 chuyển sang là 26.677,216 triệu đồng



STT	Địa bàn	Số huyện/xã hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
2	Ayun H�		278	
3	Ia Piar		278	
4	Ia Ake		278	
5	Chr�h P�nan		278	
	X� xã đạt 15-18 tiêu chí	1	1.249	
6	Ia Peng		1.249	
	X� xã đạt dưới 15 tiêu chí	1	2.082	
7	Ia Hiao		2.082	
	X� xã ĐBKK	2	-	
8	Chu Athai		-	
9	Ia Yeng		-	
	Hỗ trợ huyện ph�n đầu đạt chuẩn NTM	1	5.552	
III	<b>Huyện K'Bang</b>	<b>13,0</b>	<b>6.943</b>	
	X� xã đạt chuẩn NTM	7	1.946	
1	Đ�k H�o		278	
2	Ngh�a An		278	
3	Đ�ng		278	
4	S�r Pai		278	
5	T� Tung		278	
6	S�n Lang		278	
7	K�ng B� La		278	
	X� xã đạt 15-18 tiêu chí	5	4.997	
8	L� Ku		833	
9	Đ�k Smar		833	
10	K�ng L�ng Kh�ng		1.249	
11	Kon Pne		1.249	
12	Krong		833	
	X� xã ĐBKK	1	-	
13	Đ�k Rong		-	
IV	<b>Huyện Ia Pa</b>	<b>9</b>	<b>5.969</b>	
	X� xã đạt chuẩn NTM	2	556	
1	Ia Mr�n		278	
2	Ia Tul		278	
	X� xã đạt 15-18 tiêu chí	1	1.249	



STT	Địa bàn	Số huyện/xã hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
3	Kim Tân		1.249	
	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	2	4.164	
4	Ia Trôk		2.082	
5	Chư Mô		2.082	
	Xã ĐBKK	4	-	
6	Chư Răng		-	
7	Pờ Tó		-	
8	Ia Broai		-	
9	Ia KĐăm		-	
V	Huyện Kong Chro	13	2.776	
	Xã đạt chuẩn NTM	1	278	
1	Yang Trung		278	
	Xã đạt 15-18 tiêu chí	2	2.498	
2	Kông Yang		1.249	
3	An Trung		1.249	
	Xã ĐBKK	10	-	
4	Đăk Kơ Ning		-	
5	Ya Ma		-	
6	Yang Nam		-	
7	Chư Krey		-	
8	Đăk Pơ Pho		-	
9	SRó		-	
10	Chợ Glóng		-	
11	Đăk Pling		-	
12	Đăk Tpang		-	
13	Đăk Sông		-	
VI	Huyện Krông Pa	13	1.667	
	Xã đạt chuẩn NTM	3	834	
1	Phú Cân		278	
2	Ia Măh		278	
3	Uar		278	
	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1	833	
4	Chư Gu		833	
	Xã ĐBKK	9	-	
5	Chư Rcăm		-	

STT	Địa bàn	Số huyện/xã hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
6	Ia Rsai		-	
7	Đất Bằng		-	
8	Chư Ngọc		-	
9	Ia Rsuom		-	
10	Chư Drăng		-	
11	Ia Rmok		-	
12	Ia Dreh		-	
13	Krông Năng		-	
<b>VII</b>	<b>Huyện Chư Prông</b>	<b>19</b>	<b>26.071</b>	
	<b>Xã đạt chuẩn NTM</b>	<b>7</b>	<b>1.946</b>	
1	Thăng Hưng		278	
2	Bàu Cạn		278	
3	Ia Phìn		278	
4	Ia Lâu		278	
5	Ia Drang		278	
6	Ia Boòng		278	
7	Ia Băng		278	
	<b>Xã đạt 15-18 tiêu chí</b>	<b>1</b>	<b>1.249</b>	
8	Ia Tôr		1.249	
	<b>Xã đạt dưới 15 tiêu chí</b>	<b>11</b>	<b>22.876</b>	
9	Ia Kly		2.079	
10	Bình Giáo		2.079	
11	Ia Bang		2.079	
12	Ia Me		2.079	
13	Ia Mor		2.080	
14	Ia Vê		2.080	
15	Ia O		2.080	
16	Ia Puch		2.080	
17	Ia Pia		2.080	
18	Ia Ga		2.080	
19	Ia Piор		2.080	
<b>VIII</b>	<b>Huyện Chư Păh</b>	<b>12</b>	<b>8.607</b>	
	<b>Xã đạt chuẩn NTM</b>	<b>4</b>	<b>1.112</b>	
1	Nghĩa Hưng		278	
2	Ia Nhìn		278	
3	Nghĩa Hòa		278	



STT	Địa bàn	Số huyện/xã hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
4 ★	Hoa Phú		278	
	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1	1.249	
5	Ia Mơ Nông		1.249	
	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	3	6.246	
6	Ia Ka		2.082	
7	Ia Khuổi		2.082	
8	Ia Phí		2.082	
	Xã ĐBKX	4	-	
9	Chư Đang Ya		-	
10	Hà Tây		-	
11	Đăk Tơ Ver		-	
12	Ia Kreng		-	
IX	Huyện Chư Sê	14	4.307	
	Xã đạt chuẩn NTM	11	3.058	
1	AlBă		278	
2	Ia Blang		278	
3	Ia Glai		278	
4	Ia H'Lóp		278	
5	IaPal		278	
6	Dun		278	
7	Chư Pong		278	
8	Bờ Ngoong		278	
9	Ia Tiêm		278	
10	BarMaih		278	
11	Kông Htok		278	
	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1	1.249	
12	Ia Ko		1.249	
	Xã ĐBKX	2	-	
13	H'Bông		-	
14	Ayun		-	
X	Huyện Chư Prông	8	3.750	
	Xã đạt chuẩn NTM	6	1.668	
1	Xã Ia Phang		278	
2	Xã Ia Blú		278	
3	Ia Le		278	
4	Ia Rong		278	

STT	Địa bàn	Số huyện/xã hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
5	Ia Hru		278	
6	Ia Dreng		278	
	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	1	2.082	
7	Ia Hla		2.082	
	Xã ĐBKK	1	-	
8	Chu Don		-	
<b>XI</b>	<b>Huyện Đak Đoa</b>	<b>16</b>	<b>11.385</b>	
	Xã đạt chuẩn NTM	8	2.224	
1	Nam Yang		278	
2	Tân Bình		278	
3	Kdang		278	
4	Hneng		278	
5	Glar		278	
6	Đak Krong		278	
7	Hà Bàu		278	
8	Hải Yang		278	
	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1	833	
9	Ia Băng		833	
	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	4	8.328	
10	Ia Pét		2.082	
11	Hnol		2.082	
12	Trang		2.082	
13	Kon Gang		2.082	
	Xã ĐBKK	3	-	
14	ADok		-	
15	Đak Somei		-	
16	Hà Đông		-	
<b>XII</b>	<b>Huyện Đức Cơ</b>	<b>9</b>	<b>10.411</b>	
	Xã đạt chuẩn NTM	3	834	
1	Ia Dom		278	
2	Ia Krêl		278	
3	Ia Nan		278	
	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1	1.249	
4	Ia Kla		1.249	
	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	4	8.328	
5	Ia Kriêng		2.082	



STT	Địa bàn	Số huyện/xã hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
6*	Ia Dìn		2.082	
7	Ia Dok		2.082	
8	Ia Pnôn		2.082	
	<b>Xã ĐBKK</b>	1	-	
9	Ia Lang		-	
<b>XIII</b>	<b>Huyện Đak Pơ</b>	7	<b>2.778</b>	
	<b>Xã đạt chuẩn NTM</b>	4	<b>1.112</b>	
1	Hà Tam		278	
2	Tân An		278	
3	Cư An		278	
4	Phú An		278	
	<b>Xã đạt 15-18 tiêu chí</b>	2	<b>1.666</b>	
5	An Thành		833	
6	Yang Bắc		833	
	<b>Xã ĐBKK</b>	1	-	
7	Ya Hội		-	
<b>XIV</b>	<b>Huyện Mang Yang</b>	11	<b>5.276</b>	
	<b>Xã đạt chuẩn NTM</b>	4	<b>1.112</b>	
1	Đak Ta Ley		278	
2	Ayun		278	
3	Đăk Yă		278	
4	Đăk Djărăng		278	
	<b>Xã đạt dưới 15 tiêu chí</b>	2	<b>4.164</b>	
5	H'ra		2.082	
6	Kon Thụp		2.082	
	<b>Xã ĐBKK</b>	5	-	
7	Lơ Pang		-	
8	Đak Jơ Ta		-	
9	Kon Chiêng		-	
10	Đê Ar		-	
11	Đăk Trôi		-	
<b>XV</b>	<b>Thành phố Pleiku</b>	8	<b>2.224</b>	
	<b>Xã đạt chuẩn NTM</b>	8	<b>2.224</b>	
1	An Phú		278	
2	Diên Phú		278	
3	Biển Hồ		278	

STT	Địa bàn	Số huyện/xã hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
4	Trà Đa		278	
5	IaKênh		278	
6	Gào		278	
7	Chư Ă		278	
8	Tân Sơn		278	
<b>XVI</b>	<b>Thị xã An Khê</b>	<b>5</b>	<b>1.390</b>	
	<i>Xã đạt chuẩn NTM</i>	5	1.390	
1	Cửu An		278	
2	Thành An		278	
3	Xuân An		278	
4	Song An		278	
5	Tú An		278	
<b>XVII</b>	<b>Thị xã Ayun Pa</b>	<b>4</b>	<b>1.112</b>	
	<i>Xã đạt chuẩn NTM</i>	4	1.112	
1	Chư Băh		278	
2	Ia Rtô		278	
3	Ia Sao		278	
4	Ia Rbol		278	

PHỤ LỤC 4

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**  
**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**  
*(Kèm theo Tờ trình số 1412/TTr-UBND ngày 20/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

ĐVT: Triệu đồng

TT	Các đơn vị	Tổng cộng Chương trình			Dự án 1: Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo:			Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					
					Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn			Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững					
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>101.290</b>	<b>92.082</b>	<b>9.208</b>	<b>73.712</b>	<b>67.011</b>	<b>6.701</b>	<b>26.133</b>	<b>23.757</b>	<b>2.376</b>	<b>1.445</b>	<b>1.314</b>	<b>131</b>
1	Sở, ngành, đơn vị	27.578	25.071	2.507	0	0	0	26.133	23.757	2.376	1.445	1.314	131
-	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.445	1.314	131							1.445	1.314	131
-	Trường Cao đẳng Gia Lai	26.133	23.757	2.376				26.133	23.757	2.376			
2	<b>Địa phương</b>	<b>73.712</b>	<b>67.011</b>	<b>6.701</b>	<b>73.712</b>	<b>67.011</b>	<b>6.701</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	UBND huyện Kông Chro	73.712	67.011	6.701	73.712	67.011	6.701						